TÒA ÁN NHÂN NHÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 130 /2019/DS-PT
Ngày: 07 - 5 - 2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum.

Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 03 năm 2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân thị xã C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1954;

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1947;

3. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T, ông D và anh P: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền);

Địa chỉ: đường M, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thế D: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền);

Địa chỉ: đường M, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà P: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Bé T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Thế D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Do quen biết và làm ăn lâu năm với nhau nên ông cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Thanh P vay mượn tiền, vàng nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 21/8/2012 âm lịch: bà T và ông P mượn 11 chỉ vàng 24K không lãi suất, hẹn 10 ngày sau trả lại.

- Lần 2: Vụ mùa 3 năm 2013 âm lịch: ông D, bà T mượn tiền hụi của ông 30.000.000 đồng (15 phần hụi chết x 2.000.000 đồng).

- Lần 3: Ngày 21/02/2014 âm lịch, ông D, bà T vay 11 chỉ vàng 24K, lãi suất 100.000 đồng/chỉ/tháng, hẹn 04 tháng sau trả lại vàng. Ông D, bà T trả được 03 tháng tiền lãi là 3.300.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 29/02/2014 âm lịch, ông D, bà T vay 03 chỉ vàng 24K , lãi suất 250.000 đồng/chỉ/tháng, hẹn 03 tháng sau trả lại vàng. Ông D, bà T trả được 03 tháng lãi là 2.250.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 28/5/2014 âm lịch, bà T vay 05 chỉ vàng 24K, lãi suất 250.000 đồng/chỉ/tháng, bà T không trả lãi.

- Lần 6: Ngày 01/11/2014 âm lịch, ông D, bà T vay 25 chỉ vàng 24K, không lãi suất, hẹn 02 tháng sau trả lại vàng.

Ngoài ra ông D và bà T tham gia các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1: hụi 01 chỉ vàng 24K/mùa vụ, khui hụi 03 lần/năm, khởi khui vào mùa vụ đông xuân năm 2013 âm lịch, gồm 17 hụi viên, ông D và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ thứ 4 (đông xuân năm 2014 âm lịch) thì ông D và bà T hốt hụi, ông đã giao hụi đủ có ông D, bà T ký nhận. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 10 (nhằm vụ 1 năm 2016) thì ngưng không đóng tiếp, còn nợ 08 chỉ vàng 24K.

- Dây hụi 2: hụi 3.000.000 đồng/mùa vụ, khui hụi 04 lần/năm, khởi khui vào mùa vụ ba năm 2013 âm lịch, ban đầu chỉ có 17 hụi viên, đến kỳ khui thứ hai tăng 05 nên có 22 hụi viên, ông D và bà T tham gia 05 phần. Bà T, ông D đã hốt hụi cụ thể như sau:

+ Kỳ khui thứ nhất ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 27.750.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 08 kỳ là 24.000.000 đồng.

+ Kỳ khui thứ ba ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 33.450.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 13 kỳ là 39.000.000 đồng.

+ Kỳ khui thứ năm ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao cho ông D, bà T số tiền 36.450.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 13 kỳ là 39.000.000 đồng.

+ Kỳ khui thứ sáu ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao cho ông D, bà T số tiền 34.450.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 13 kỳ là 39.000.000 đồng.

Còn 01 phần hụi sống bà T đã đóng được 13.400.000 đồng, tổng cộng dây hụi này bà T và ông D còn nợ lại ông số tiền 127.600.000 đồng, theo biên nhận hốt hụi của Cô dượng T.

- Dây hụi 3: hụi 3.000.000 đồng/mùa vụ, khui hụi 03 lần/năm, khởi khui vào mùa vụ hai năm 2014 âm lịch, gồm 17 hụi viên, ông D và bà T tham gia 02 phần: đã hốt hụi 01 phần vào kỳ khui thứ hai, ông giao đã đủ cho ông D và bà T số tiền 24.450.000 đồng, đóng lại được 05 kỳ, còn nợ lại 12 lần là 36.000.000 đồng; còn 01 phần hụi sống bà T đóng được 6.000.000 đồng thì ngưng. Hốt hụi và giao tiền không làm biên nhận. Dây hụi này bà T và ông D còn nợ lại 30.000.000 đồng.

- Dây hụi 4: hụi 3.000.000 đồng/mùa vụ, khui hụi 04 lần/năm, khởi khui vào mùa vụ đông xuân năm 2015 âm lịch, gồm 16 hụi viên, ông D và bà T tham gia 02 phần: đã hốt hụi 01 phần vào kỳ khui thứ nhất, ông giao đã đủ cho ông D và bà T số tiền 22.950.000 đồng, không có biên nhận giao tiền, có hụi viên xác nhận, đóng lại được kỳ thứ 4, còn nợ lại 13 lần là 39.000.000 đồng; còn 01 phần hụi sống bà T đóng được 5.000.000 đồng thì ngưng. Hốt hụi và giao tiền không làm biên nhận. Dây hụi này bà T và ông D còn nợ lại 34.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: hụi 2.000.000 đồng/tháng, khởi khui vào ngày 01/9/2014 âm lịch, gồm 21 hụi viên, ông D và bà T tham gia 03 phần. Bà, ông D đã hốt hụi cụ thể như sau:

+ Kỳ khui thứ nhất ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 27.300.000 đồng bà T có ký vào sổ hụi của ông. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 16 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 06 kỳ là 12.000.000 đồng, sau đó bà T trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng.

+ Kỳ khui thứ ba ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 27.240.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 16 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 06 kỳ là 12.000.000 đồng, bà T có ký nhận vào sổ hụi của anh.

+ Kỳ khui thứ tư ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao cho ông D, bà T số tiền 27.060.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 16 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 06 kỳ là 12.000.000 đồng, bà T có ký nhận vào sổ hụi của anh.

Tổng cộng dây hụi này ông D và bà T còn nợ lại 36.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: hụi 1.000.000 đồng/tháng, khởi khui vào ngày 05/9/2014 âm lịch (tháng 9 sau), gồm 19 hụi viên, ông D và bà T tham gia 03 phần, cụ thể như sau:

+ Kỳ khui thứ hai ngày 05/10/2014 âm lịch, ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 12.720.000 đồngbà T có ký vào sổ hụi của ông. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 14 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 05 kỳ hụi chết là 5.000.000 đồng, ông D, bà T không ký nhận hụi, có xác nhận của hụi viên.

+ Kỳ khui thứ tư ngày 05/12/2014 âm lịch, ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 11.950.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 14 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 05 kỳ hụi chết là 5.000.000 đồng, bà T và ông D không ký nhận hụi, có xác nhận của hụi viên.

+ Kỳ khui thứ sáu ngày 05/01/2015 âm lịch, ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao cho ông D, bà T số tiền12.400.000 đồng. Ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 14 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 05 kỳ hụi chết là 5.000.000 đồng, bà T và ông D không ký nhận hụi, có xác nhận của hụi viên.

Tổng cộng dây hụi này ông D và bà T còn nợ lại 15.000.000 đồng.

- Dây hụi 7: hụi 1.000.000 đồng/tháng, khởi khui vào ngày 20/4/2015 âm lịch, gồm 16 hụi viên, ông D và bà T tham gia 03 phần. Ông D, bà T đã hốt hụi 02 phần, còn sống 01 phần, cụ thể như sau:

+ Kỳ khui thứ nhất ngày 20/4/2015 âm lịch, ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 10.150.000 đồng, ông D, bà T đóng hụi chết đến kỳ thứ 07 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 09 kỳ là 9.000.000 đồng, việc giao hụi không có biên nhận, chỉ có hụi viên xác nhận.

+ Kỳ khui thứ bảy ngày 20/11/2015 âm lịch, ông D, bà T hốt 01 phần, ông đã giao đủ cho ông D, bà T số tiền 12.490.000 đồng. Ông D, bà T không đóng hụi chết còn nợ lại 09 kỳ là 9.000.000 đồng, việc giao hụi không có biên nhận, chỉ có hụi viên xác nhận.

+ 01 phần hụi sống bà T đóng được 5.100.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này ông D và bà T còn nợ lại 12.900.000 đồng (18.000.000 đồng - 5.100.000 đồng).

Ông V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T trả 05 chỉ vàng 24K, buộc bà T và ông D liên đới trả 47 chỉ vàng 24K, 30.000.000 đồng vay và 251.500.000 đồng tiền hụi, buộc bà T và anh P liên đới trả 11 chỉ vàng 24K.

Tại phiên hòa giải ngày 03/7/2018, ông Nguyễn Văn V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thanh P, không yêu cầu anh P liên đới cùng bà T trả cho ông 11 chỉ vàng 24K.

Tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn V giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án gồm có: 01 giấy mượn vàng ngày 21/8/2012, 01 biên ngày 21/2/2014, 01 giấy mượn hụi vụ 3 năm 2013, 01 biên nhận hốt hụi;01 giấy vay vàng ngày 29/2/2014 và ngày 28/5/2014, 01 giấy ngày 01/11/.2014.

* Ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D không có vay vàng của Ông V, cũng không tham gia chơi hụi của Ông V, trong tất cả các tài liệu Ông V cung cấp, ông D không có ký tên vào bất cứ tài liệu nào.

* Ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông P không có vay vàng của Ông V như Ông V trình bày, chữ ký và chữ ghi tên Nguyễn Thanh P trong biên nhận 11 chỉ vàng 24K ngày 21/8/2012 không phải của ông P.

* Ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày :

- Ngày 21/8/2012 (âm lịch), bà T có vay của Ông V 11 chỉ vàng 24K có làm biên nhận cho Ông V giữ, chỉ một mình bà vay vàng, ông P không có vay. Số vàng này bà T đã trả rồi nhưng không có làm giấy tờ. Ngoài số vàng trên bà T không có vay thêm vàng, tiền của anh V lần nào nữa.

- Bà T có tham gia 07 dây hụi do Ông V làm đầu thảo nhưng số phần tham gia và số lần bà đã hốt như Ông V trình bày là không chính xác, cụ thể:

+ Dây hụi 1: Ông V trình bày là đúng, ông D không có tham gia hụi này và không có ký nhận khi anh V giao hụi.

+ Dây hụi 2: Bà T chỉ tham gia 01 phần đứng thứ tự 21 tên T Ch theo giấy hụi mà anh V đưa, bà T đã hốt hụi vào kỳ thứ 3 vụ Đông Xuân 2014 và đã góp hụi được 09 lần thì ngưng, còn nợ 13 lần hụi chết.

04 phần còn lại là của ông P 01 phần đứng thứ tự 12 đã mãn xong, của Nguyễn Thế D 03 phần đứng thứ tự 14, 17, 19 đang yêu cầu Ông V trả hụi 03 phần này trong cùng vụ án.

+ Dây hụi 3: chỉ có bà T tham gia 02 phần và đã hốt hụi như Ông V trình bày 01 phần là 24.450.000 đồng, đóng hết lần thứ 5, còn lại 12 phần hụi chết. Phần hụi sống còn lại bà T đóng được 05 lần không nhớ chính xác số tiền mỗi lần đóng, chỉ nhớ khoảng từ 1.700.000 đồng đến 1.800.000 đồng, đóng hụi không có giấy tờ, tương đương số tiền 5 x 3000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

+ Dây hụi 4: Bà T có tham gia 02 phần như Ông V trình bày nhưng chưa hốt hụi lần nào, bà T đã đóng hụi được 04 lần thì ngưng do bị bệnh không đóng nữa, đóng hụi không có giấy tờ, không nhớ chính xác số tiền đóng mỗi lần.

+ Dây hụi 5: Bà T thống nhất số tiền chơi hụi, số hụi viên, bà T có tham gia 03 phần như Ông V trình bày nhưng chưa hốt hụi lần nào, bà T đã đóng hụi được 16 lần không nhớ chính xác số tiền đóng mỗi lần, đóng hụi không có giấy tờ.

+ Dây hụi 6: Bà T thống nhất số tiền chơi hụi, số hụi viên nhưng bà T chỉ tham gia 01 phần đứng thứ tự 5 tên T Ch theo giấy hụi mà anh V đưa, bà T đã đóng hụi được 16 lần thì ngưng, không nhớ chính xác số tiền đóng mỗi lần, đóng hụi không có giấy tờ.

02 phần còn lại là của Nguyễn Thế D đứng thứ tự 3 và 4 tên D Ch đang yêu cầu Ông V trả hụi 02 phần này trong cùng vụ án.

+ Dây hụi 7: Bà T thống nhất số tiền chơi hụi, số hụi viên nhưng bà T chỉ tham gia 02 phần đứng thứ tự 5, 6 nhưng chưa hốt hụi phần nào, bà T đóng đượ 08 lần thì ngưng, đóng hụi không có giấy tờ, không nhớ chính xác số tiền đóng mỗi lần.

Còn 01 phần đứng vị trí số 7 tên D Ch là của Nguyễn Thế D tham gia, Nguyễn Thế D có đơn yêu cầu Ông V trả hụi.

Trong tất cả các tài liệu, chứng cứ do Ông V cung cấp, bà T chỉ có ký tên vào duy nhất giấy mượn vàng ngày 21/8/2012.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Thế D trình bày tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2016 như sau:

Ông Và ông Nguyễn Văn V là hàng xóm, ông biết Ông V là đầu thảo hụi nên có tham gia chơi hụi Ông V, cụ thể như sau:

- Dây hụi mùa, 01 năm 04 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, bắt đầu vào mùa 3 năm 2014, ông có tham gia 03 phần, theo danh sách hụi viên Ông V giao thì ông đứng ở số thứ tự 1, 14, 19. Ông đã đóng tiền đến hết năm 2015 tổng cộng là: 10 x 03 phần x 3.000.000 đồng = 90.000.000 đồng, ông chưa hốt các phần hụi.

- Dây hụi tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu ngày 05/9/2014 âm lịch, ông tham gia 02 phần ở số thứ tự 2,3 trong danh sách hụi do Ông V giao, ông đã đóng được hết năm 2015, số tiền 08 lần 8.0000.000 đồng, ông chưa hốt các phần hụi.

- Dây hụi tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu ngày 20/4/2015 âm lịch, đứng thứ tự thứ 7 trong danh sách hụi viên, ông đã đóng được hết năm 2015, tổng số tiền đã đóng là: 16 x 02 phần x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng, ông chưa hốt các phần hụi.

Hiện các dây hụi đã mãn và bể.

Ngoài ra ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P vay tiền 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng, đến nay chưa trả.

- Lần 1: Ông V vay 30.000.000 đồng vào ngày 10/4/2015 âm lịch, thời hạn vay 12 tháng, có biên nhận;

- Lần 2: Ông V vay thêm 30.000.000 đồng vào ngày 10/9/2016, thời hạn 08 tháng có biên nhận Ông V ghi tên vợ là Nguyễn Thị P vào.

Từ đầu năm 2016 đến nay, khi ông đề nghị hốt hụi thì Ông V cứ kéo dài thời gian nói ông đã hốt hụi rồi, thực tế ông chưa hốt hụi nên ông tạm ngưng không đóng tiền tiếp cho các phần còn lại, Ông V cũng không trả tiền nợ cho ông.

Ông Nguyễn Thế D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P trả cho ông 60.000.000 đồng tiền vay và 130.000.000 đồng tiền hụi.

Tài liệu, chứng cứ Nguyễn Thế D đã nộp: biên nhận mượn tiền ngày 10/9/2015 âm lịch và ngày 10/4/2015; bản photo 03 giấy ghi hụi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế D đòi bà cùng chồng là Nguyễn Văn V trả 60.000.000 đồng vì đến nay bà chỉ biết Ông V thiếu Nguyễn Thế D có 30.000.000 đồng, khi Ông V vay 30.000.000 đồng thì bà không biết. Đến ngày 10/9/2016 âm lịch, Nguyễn Thế D in sẵn 01 biên nhận ghi rõ bên cho vay 30.000.000 đồng là Nguyễn Thế D, bên vay là vợ chồng bà, Nguyễn Thế D nói vợ chồng bà ký tên vào để thay thế biên nhận ngày 10/4/2015 âm lịch mà Ông V đã ký nợ trước đó với Nguyễn Thế D, do Nguyễn Thế D không chịu trả biên nhận trước đó nên bà không đồng ý ký tên vào biên nhận ngày 10/9/2015 âm lịch. Bà không có vay tiền của Nguyễn Thế D mà chỉ có Ông V vay 30.000.000 đồng của Nguyễn Thế D, đây là nợ riêng của Ông V nên bà không có nghĩa vụ trả nợ vay này.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V rút lại một yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông P liên đới cùng với bà T trả cho ông 11 chỉ vàng 24K, nay không yêu cầu ông P trả cùng bà T; đơn khởi kiện ông yêu cầu bà T và ông D trả nợ hụi 08 chỉ vàng 24K và 251.000.000 đồng trong 07 dây hụi ông làm đầu thảo, nay ông xin rút lại yêu cầu này. Xác định chỉ yêu cầu bà T trả 16 chỉ vàng 24 K và ông D liên đới cùng bà T trả 39 chỉ vàng 24 K và số tiền 30.000.000 đồng vay.

- Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Bé T không ý kiến đối với việc Ông V rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu còn lại của Ông V bà T và ông D không đồng ý do đã trả xong nợ cho Ông V.

Ông Nguyễn Văn H xin giao nộp ổ cứng di động USB do bà K là con của bà Bé T thu được vào ngày 09/01/2016 khi Ông V đến thành phố Hồ Chí Minh gặp bà T yêu cầu đóng hụi định kỳ và xác định nội dung đoạn ghi âm, ghi hình có thể hiện việc Ông V nói với bà K là bà T không còn nợ vàng Ông V.

- Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế D xác định chỉ yêu cầu Ông V trả nợ vay 60.000.000 đồng và nợ hụi 130.000.000 đồng, không yêu cầu bà P liên đới trả nợ vay và nợ hụi cùng Ông V.

- Ông Nguyễn Văn V đồng ý trả cho Nguyễn Thế D 30.000.000 đồng, không đồng ý trả 30.000.000 đồng vì biên nhận ngày 10/9/2015 là nhằm thay thế biên nhận viết tay ngày 10/4/2015; Ông V xác định Nguyễn Thế D không có tham gia 03 dây hụi như ông H trình bày mà người trực tiếp tham gia góp hụi, bốc thăm hốt hụi trong

03 dây hụi có tên D Ch là bà Bé T nên ông không đồng ý trả nợ hụi theo yêu cầu của Nguyễn Thế D.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C đã căn cứ vào Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 471, 474, 479 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 20, 23, 28, 31 của Nghị định số 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ hụi với số tiền 251.000.500 đồng và 08 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho ông Nguyễn Văn V 39 chỉ vàng 24K và số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V 16 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày Ông V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T và ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày Nguyễn Thế D có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D yêu cầu ông Nguyễn Văn V phải trả số tiền 30.000.000 đồng tiền vay và 130.000.000 đồng tiền hụi.

5. Án phí:

Bà T và ông D phải chịu 8.364.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T phải chịu 2.816.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông V phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông V đã nộp 5.957.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000462 ngày 05/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Ông V được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại 4.457.000 đồng.

Nguyễn Thế D phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đồng Nguyễn Thế D đã nộp 4.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0325 ngày 27/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C nên Nguyễn Thế D còn phải nộp tiếp 3.250.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ngày 11/12/2018 ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông V về việc buộc ông liên đới trả cho Ông V số vàng 39 chỉ vàng 24K, số tiền 30.000.000 đồng và tiền án phí.

* Ngày 11/12/2018 ông Nguyễn Thế D có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

* Ngày 11/12/2018 bà Nguyễn Thị Bé T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông V về việc buộc bà phải trả số vàng 35 chỉ vàng 24K, số tiền 30.000.000 đồng và sửa phần án phí.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bị đơn: giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, cung cấp lại cho Tòa án cấp phúc thẩm 01 USB nội dung ghi âm của con gái bà T - tên Kiều trao đổi với Ông V về vấn đề nợ tiền và nợ hụi, tài liệu này bị đơn đã cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Thế D cho rằng do Tòa án cấp sơ thẩm nhầm lẫn về phần ngày tháng trong biên nhận nên có nhận định đối với biên nhận mượn tiền giữa Ông V với Nguyễn Thế D tuy hai nhưng thực chất là một, hai biên nhận này là hai biên nhận khác nhau, hai khoản tiền khác nhau, do đó Ông V phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thế D 60.000.000 đồng đối với hai biên nhận. Đối với tiền hụi, Nguyễn Thế D có tham gia 03 phần với tên D Ch chưa hốt và hụi này đã mãn nên yêu cầu Ông V có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thế D 130.000.000 đồng.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Về nội dung ghi âm, nguyên đơn cho rằng vào năm 2016 khi lên thành phố Hồ Chí Minh đòi tiền nợ bà T thì bà T nói trước với anh là nếu con gái bà có hỏi thì nói với con bà T là bà T không còn nợ anh V vì bà T bị bệnh tai biến đang ở nhà con gái, hiện tại con nó nuôi nếu nói còn nợ nó sẽ không nuôi bà, còn tiền nợ để bà sắp xếp trả, ông hoàn toàn không biết con bà T ghi âm nội dung này. Khi bà T vay tiền, vàng và chơi hụi có cầm cố cho anh bốn công ruộng nhưng đến thời điểm năm 2016 bà T, ông D đã làm thủ tục cho tặng cho con trai là Nguyễn Thế D tất cả tài sản này.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D - con của bà T và ông D: Ông V thừa nhận có mượn của Nguyễn Thế D 30.000.000 đồng theo biên nhận viết tay, còn biên nhận theo mẫu sau khi mượn xong Nguyễn Thế D yêu cầu ông ghi họ tên,

địa chỉ số tiền 30.000.000 đồng và ký tên, các nội dung khác do Nguyễn Thế D ghi, lý do làm lại biên nhận này vì không có vợ Nguyễn Thế D ký tên trong biên nhận, nhưng vợ ông không chịu ký vì chưa nhận lại biên nhận cũ. Biên nhận này Nguyễn Thế D cất giữ, việc sửa chữa ngày tháng trong biên nhận mượn tiền ngày 10/9/2015 (Bút lục 92) là do Nguyễn Thế D sửa, Ông V không biết. Đối với tiền hụi, theo danh sách có tên D Ch 03 phần nhưng thực chất Nguyễn Thế D không có chơi hụi mà do mẹ Nguyễn Thế D là bà T chơi nhưng trong dây hụi này bà T đã chơi 02 phần nếu ghi bà T 05 phần thì các hụi viên sẽ phản ứng và không đồng ý nên mới ghi tên con bà T là D Ch, tổng công 05 phần hụi này bà T đã hốt hết 04 phần, việc khui hụi đóng hụi, giao hụi do bà T thực hiện. Ông V chỉ đồng ý trả 30.000.000 đồng, không đồng ý trả 60.000.000 đồng theo yêu cầu của Nguyễn Thế D, tiền hụi do Nguyễn Thế D không có tham gia nên ông không đồng ý trả 130.000.000 đồng cho Nguyễn Thế D.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông V thừa nhận nội dung trong USB ghi âm là của ông, nên có căn cứ cho rằng bà T, ông D không còn nợ Ông V số tiền và số vàng như nguyên đơn trình bày, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn V và sửa một phần án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ đúng pháp luật, nên không có căn cứ để xem xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thế D, đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ, nghe các đương sự trình bày trước tòa, qua kết quả tranh tụng tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Các đương sự, người làm chứng có đơn xin vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, trong hồ sơ đã thể hiện lời khai, việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với hợp đồng vay tài sản giữa Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn D. Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa Ông V và bà T, ông D có quan hệ vay vàng, tiền:

- 01 giấy mượn vàng ngày 21/8/2012, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thanh P, nội dung thể hiện: "tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn Thị Bé T và con là Nguyễn Thanh P có mượn của 6 Vũ 11 chỉ vàng 24K hẹn 10 ngày trả lại";

- 01 biên nhận ngày 21/2/2014, có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Bé T, nội dung thể hiện: "Vũ có hỏi giùm 11 chỉ vàng 24K, 1 chỉ tháng 100 ngàn, thời hạn 4 tháng, nhận vàng ngày 21/2/2014";

- 01 giấy mượn hụi vụ 3 năm 2013, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Bé T, nội dung thể hiện: cô T có mượn V đầu hụi 2.000.000 đồng hốt chót cô T giao đủ 15 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng;

- 01 giấy vay vàng: ngày 29/02/2014, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Bé T nội dung thể hiện "cô tư có nhờ V vay giùm 03 chỉ vàng 24K 03 tháng trả vốn, mỗi tháng trả lãi"; ngày 28/5/2014 có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị Bé T, nội dung thể hiện: "lấy thêm 05 chỉ vàng mỗi chỉ 250.000";

- 01 giấy ghi ngày 01/11/2014, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Bé T, nội dung thể hiện: "cô Tư có nhờ Vũ hỏi giùm 25 chỉ vàng 24K thời hạn 02 tháng trả";

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông D là ông Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận bà T ký tên vào giấy mượn vàng ngày 21/8/2012, không thừa nhận ông D có ký tên vào các chứng cứ Ông V nộp. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 877/GĐ-PC54(Đ3) ngày 06/10/2017 và Công Văn ngày 06/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang xác định: "chữ viết Nguyễn Thị Bé T và Ng Thị Bé T trên các tài liệu chứng cứ Ông V nộp là của bà Nguyễn Thị Bé T, chữ viết trên giấy mượn hụi vụ 3 năm 2013 (số tiền 30.000.000 đồng, giấy vay vàng ngày 21/2/2014, giấy ngày 01/01/2014 (nhờ Vũ vay 25 chỉ vàng 24k) là của ông Nguyễn Văn D (Bút lục 70, 71, 75, 76).

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc không còn nợ hay đã thực hiện việc trả tiền, vàng mà bị đơn mượn của nguyên đơn, bị đơn cho rằng các biên nhận nợ không phải do bị đơn ký, nhưng kết quả giám định kết luận chữ ký, chữ viết là của bị đơn.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp 01 USB kèm theo giấy ghi nội dung ghi âm. Tuy nhiên, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét không chấp nhận vì đây là tại liệu sao chép, không phải do ông H là người thu âm, thu hình mà do con gái của bà T ghi âm, ghi hình, nội dung cũng không thể hiện rõ nội dung liên quan đến quan hệ tranh chấp, nguyên đơn cho rằng bà T yêu cầu nguyên đơn nói dối như vậy để con bà nuôi bà vì bà đang bị bệnh nằm tại nhà con để điều trị, việc ghi âm, ghi hình Ông V không biết, đến khi giải quyết vụ án mới biết.

- Hội đồng xét xử nhận thấy Ông V thừa nhận tiếng nói đối thoại giữa Ông V với chị K (con gái bà T) trong nội dung ghi âm, nhưng việc ông nói vậy là theo yêu cầu bà T để bà T trả tiền cho ông. Nhận thấy trong nội dung đối thoại nếu khẳng định bà T đã trả hết nợ tiền, nợ vàng và nợ hụi thì chưa có căn cứ, bởi lẽ hụi chưa mãn nên

không thể xác định bà T đóng hết tiền hụi chết, hụi sống cho Ông V. Nếu bà T, ông D đã trả hết nợ thì không gì phải khai không thừa nhận các biên nhận nợ, chữ viết, chữ ký của mình mà Ông V đang giữ, trong khi đó kết quả giám định chữ ký, chữ viết là của bà T, ông D, ngoài ra trong giai đoạn giải quyết vụ án, bà T, ông D đã làm thủ tục sang tên toàn bộ đất, nhà cho con trai là Nguyễn Thế D vào năm 2016, kết cả 04 công ruộng cầm cố cho Nguyễn Thế D.

Đối với 01 USB sao chép nội dung ghi âm, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự không được coi là chứng cứ là có cơ sở, nên không thể xem xét đây là chứng cứ chứng minh cho rằng bà T, ông D không còn nợ tiền, vàng của Ông V.

Do đó, xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn V và các chứng cứ đã cung cấp, xác định bà T có vay của Ông V nhiều lần tổng cộng là 55 chỉ vàng 24K và 30.000.000 đồng, trong đó bà T và ông D vay 39 chỉ vàng 24K và 30.000.000 đồng, bà T vay 16 chỉ vàng 24K, nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ đúng pháp luật; về nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Văn D không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thế D với ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P. Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện:

- Ông Nguyễn Thế D cho Ông V vay số tiền 60.000.000 đồng theo 02 biên nhận và yêu cầu Ông V trả số tiền vay trên, không yêu cầu bà P cùng liên đới trả nợ với Ông V.

- Ông V thừa nhận có vay của Nguyễn Thế D số tiền 30.000.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của Nguyễn Thế D, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận. Ông V không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/9/2015 vì cho rằng đây là biên nhận được khôi phục lại biên nhận cũ theo yêu cầu của Nguyễn Thế D là phải có chữ ký của hai vợ chồng ông.

- Tuy nhiên, đối với biên nhận này có nội dung không rõ ràng về mặt thời gian, cụ thể mượn tiền vào ngày mồng M10/9/2016 nhưng ngày nhận tiền là ngày mồng 10/9/2015, nếu cho rằng mượn tiền ngày mồng 10/9/2015 trong thời hạn 8 tháng trả thì cũng không đúng ngày mồng 10/9/2016, biên nhận có dấu hiệu sửa chữa tháng, việc sửa chữa Nguyễn Thế D không nói cho Ông V biết, biên nhận do Nguyễn Thế D cất giữ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thế D buộc Ông V trả số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở.

[6] Về hợp đồng góp hụi giữa ông Nguyễn Thế D và ông Nguyễn Văn V.

- Nguyễn Thế D cho rằng có thỏa thuận với ông Nguyễn Văn V cho ông tham gia 03 phần hụi do Ông V làm chủ, tên trong danh sách hụi viên là D Ch, bà T là mẹ ruột của Nguyễn Thế D trực tiếp góp hụi cho Ông V từ tiền Nguyễn Thế D đưa, Nguyễn Thế D có tham gia khui một lần, các lần khác do bà T - mẹ ông tham gia.

- Ông V thừa nhận trong danh sách hụi viên có tên D Ch, nhưng ông D Ch không tham gia mà do bà T là người trực tiếp tham gia khui hụi, đóng hụi, các dây

hụi do ông làm đầu thảo Nguyễn Thế D hoàn toàn không tham gia nên ông không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của Nguyễn Thế D.

- Lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, lời khai của những người tham chơi hụi trong 03 dây hụi do Ông V làm chủ thể hiện có tên D Ch, nhưng Nguyễn Thế D không chứng minh được việc nộp tiền góp hụi nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thế D đòi Ông V thanh toán tiền nợ hụi đã góp chưa hốt là 130.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế D.

[7] Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét miễn án phí cho bà T (65 tuổi), ông D (72 tuổi) theo điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi: "Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên" là có thiếu sót, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa một phần về án phí đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Bé T. Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thế D không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 474, 479 của Bộ luật dân sự 2005; Các điều 20, 23, 28, 31 của Nghị định số 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Thế D, bà Nguyễn Thị Bé T.

Sửa một phần án phí đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ hụi với số tiền 251.000.500 đồng và 08 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho ông Nguyễn Văn V 39 chỉ vàng 24K và số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V 16 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày Ông V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T và ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày Nguyễn Thế D có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế D yêu cầu ông Nguyễn Văn V phải trả số tiền 30.000.000 đồng tiền vay và 130.000.000 đồng tiền hụi.

5. Án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Bé T.

- Ông Nguyễn Văn V phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông V đã nộp 5.957.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000462 ngày 05/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Ông V được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại 4.457.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thế D phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thế D đã nộp 4.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000325 ngày 27/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C nên Nguyễn Thế D còn phải nộp tiếp 3.250.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị Bé T và ông Nguyễn Văn D. Hoàn lại cho bà T, ông D mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0001970, 0001969 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C.

- Nguyễn Thế D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thế D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền

số 0001976 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp